TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 01 - 2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:226/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:92/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1992 (Vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Khóm An T, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Đoàn Hồng T, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Hùng D (cha chị N), sinh năm 1961 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm D, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Quỳnh N trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2008, chị N và anh T có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng và đến ngày 04 tháng 3 năm 2011, chị N và anh T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc và có với nhau được 01 người

con tên Đoàn Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2009. Sau đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm sống; anh T không lo làm ăn mà chỉ lo ăn chơi, chị N nhiều lần khuyên can, nhưng anh T vẫn không khắc phục, sửa chữa. Từ đó, vợ chồng sống chung với nhau nhưng cũng như ly thân, không còn hòa hợp.

Nay, chị Nguyễn Quỳnh N nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên chị N xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Quỳnh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2009 (cháu T có nguyện vọng và đang sống chung với chị N) và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp đã triệu tập và tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Đoàn Hồng T đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Đoàn Hồng T không ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và không đến Tòa án nhân dân thị xã H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Quỳnh N và anh Đoàn Hồng T được ly hôn; về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Đoàn Nguyễn Quỳnh T cho chị Nguyễn Quỳnh N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Quỳnh N khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Quỳnh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đoàn Hồng T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn là chị Nguyễn Quỳnh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Đoàn Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Ngày 04 tháng 3 năm 2011, chị Nguyễn Quỳnh N và anh Đoàn Hồng T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên đi ăn chơi, nhậu nhẹt, không chăm lo gia đình, không làm tròn trách nhiệm người chồng, người cha phù hợp với công văn số:471/UBND đề ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân phường An T về việc cung cấp thông tin: *"...anh T thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi liêu lỏng, không lo tiếp phụ giúp gia đình vợ con mua bán...."*; bên cạnh đó, chị N cũng đã nhiều lần khuyên can, nhưng anh T không khắc phục, sửa chữa phù hợp với lời khai của người làm chứng Nguyễn Hùng D.

[4] Sau đó, chị N và anh T đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo thụ lý vụ án, nhưng anh T cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về con chung: Chị N xin được nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Nguyễn Quỳnh T, còn anh T cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin nuôi con của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy chị N đang nuôi con chung tên Đoàn Nguyễn Quỳnh T, phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác và cháu T có nguyện vọng sống chung với chị N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Quỳnh N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Nguyễn Quỳnh T, nhưng chị N không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H: Về hôn nhân: Chị N và anh T được ly hôn; về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Đoàn Nguyễn Quỳnh T cho chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; về tài sản và nợ chung: Không xem xét, giải quyết là có căn cứ, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, chị Nguyễn Quỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia

đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Đoàn Hồng T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Quỳnh N và anh Đoàn Hồng T được ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Quỳnh N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đoàn Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2009.

(Hiện cháu Đoàn Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2009 đang sống chung với chị Nguyễn Quỳnh N).

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Quỳnh N không yêu cầu anh Đoàn Hồng T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên Đoàn Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2009. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Quỳnh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đoàn Hồng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Quỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp (do Nguyễn Vĩnh An nộp thay) là 300.000đồng theo biên lai thu số:0005287 ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; chị Nguyễn Quỳnh N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Anh Đoàn Hồng T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Quỳnh N và anh Đoàn Hồng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Các đương sự;
- UBND phường An T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung